TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/DS-ST
Ngày: 18/9/2024
V/v: "Tranh chấp về thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thục và Ông Nguyễn Đức Kha.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hải Yến - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 18/9/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2024/TLST- DS ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc "*Tranh chấp chia di sản thừa kế"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 47/2024/QĐ-ST ngày 13/8/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2024/QĐ - ST ngày 27/8/2024 giữa:

** Nguyên đơn:* Anh Đào Trọng T, sinh năm 1995. (Vắng mặt)

HKTT: Thôn A, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Trú tại 10 toà Marusu, 1160, khu T- quận K- tỉnh ChiBa- Nhật Bản

Đại diện theo ủy quyền: Văn phòng luật sư Vũ Anh H.

Địa chỉ trụ sở: số D, đường L, phường H, TP ., tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo pháp luật: Luật sư Ong Thị T1 - Chức vụ: Trưởng Văn phòng. Có mặt.

** Bị đơn:*

Ông Đào Văn H1, sinh năm 1958. (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn A, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Cụ Đào Văn T2, sinh năm 1931. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: thôn A, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cụ T2:* Bà Ngô Thị T3 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B (Có mặt)

2. Bà Đào Thị H2, sinh năm 1955. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Thôn B, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn

3. Bà Đào Thị V, sinh năm 1962. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Thôn N, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

4. Bà Đào Thị L, sinh năm 1963. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn

5. Bà Đào Thị L1, sinh năm 1966. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Thôn L, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

6. Bà Đào Thị L2, sinh năm 1968. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: thôn A, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

7. Ông Đào Văn T4, sinh năm 1970. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Thôn H, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

8. Anh Đào Trọng T8, sinh năm 2000. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

HKTT: Thôn A, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Trú tại: Số nhà E, Đường C, Khu Đ, TP Đ, Đài Loan.

9. Anh Đào Trọng M, sinh năm 2003. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

HKTT: Thôn A, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

10. Bà Hoàng Thị H3, sinh năm 1973. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Thôn A, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

11. Anh Đào Trọng Q, sinh năm 2002. (Vắng mặt).

HKTT: Thôn A, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Trú tại 10 toà Marusu, 1160, khu Tobari- quận Kashiwa- tỉnh ChiBa- Nhật Bản

12. Anh Đào Trọng Phú, sinh năm 2002. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Thôn A, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

13. Bà Dương Thị H4, sinh năm 1975. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

HKTT: Tổ D, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở hiện tại: Số nhà H, đường N, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

14.Ủy ban nhân dân xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện theo ủy quyền*: Ông Vũ Văn Đ - Công chức Địa chính Nông nghiệp, Xây dựng và Môi trường. (theo nội dung Văn bản ủy quyền số 1000/CV-UBND ngày 17/9/2024). (Vắng mặt).

15.Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện theo ủy quyền*: Ông Huỳnh Anh T5 – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường (theo nội dung Văn bản ủy quyền số 2002/UBND-TCD ngày 07/8/2024). (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn là anh Đào Trọng T trình bày:

Bố anh là ông Đào Trọng H5, sinh năm 1972 và mẹ anh là bà Dương Thị H4, sinh năm 1975, kết hôn vào đầu năm 1994. Sau khi kết hôn, bố mẹ anh sống chung cùng ông bà nội anh (cụ Đào Văn T2, cụ Trần Thị L3) tại nhà của các cụ tại thôn A. Bố mẹ anh có mình anh Đào Trọng T, sinh ngày 20/9/1995 là con chung.

Trong quá trình chung sống với nhau, ông bà nội anh có cho bố mẹ anh thửa đất liền kề nhà ông bà anh tại Thôn A, có diện tích 271m^2 để làm nhà ra ở riêng. Ngày 26/12/2000, thửa đất được UBND huyện Y cấp GCNQSD Đất số Q808749, số vào sổ cấp GCNQSD Đất 02289 QSDD/500/QĐUB ngày 26/12/2000 có thông tin địa chính là thửa đất số 348(3), tờ bản đồ số 14, diện tích 271m^2, mục đích sử dụng đất ở, cho người sử dụng là hộ ông Đào Trọng H5.

Sau đó, bố mẹ anh nảy sinh mẫu thuẫn, tình cảm rạn nứt. Giữa năm 2001, bố mẹ anh làm thủ tục ly hôn. Ngày 28/12/2001, được Tòa án nhân dân huyện Yên Thế giải quyết ly hôn; phần tài sản chung do bố mẹ anh tự thỏa thuận, trong đó mẹ anh giao cho bố anh (Đào Trọng H5) được sở hữu và sử dụng tài sản chung là nhà đất nêu trên. Sau khi bố mẹ anh ly hôn, anh cùng bố anh tiếp tục sinh sống tại nhà đất này.

Cuối năm 2001, bố anh (ông H5) kết hôn với cô Hoàng Thị H3, sinh năm 1973 và có con chung là Đào Trọng Q và Đào Trọng P, cùng sinh ngày 08/08/2002. Sau đó cả gia đình anh (bố, cô H3, anh và 2 em Q, P) chuyển sang nhà đất khác ở thôn A, xã A sinh sống. Nhà đất của bố anh để không.

Ngày 23/7/2007, bố anh (ông H5) chết do lâm bệnh nặng. Khi chết, bố không để lại di chúc định đoạt tài sản của mình. Theo đó, phần tài sản của bố anh (ông H5) khi chết để lại là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên thửa đất số 348 (3), tờ bản đồ số 14, diện tích 271m^2 sẽ thuộc quyền sử dụng, sở hữu của các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bố anh gồm ông bà nội (cụ T2, cụ L3), anh (T), vợ bố anh (cô H3), 2 em: P, Q.

Tuy nhiên, do lúc đó anh và các em còn nhỏ nên gia đình anh chưa họp bàn thống nhất về việc phân chia thừa kế đối với tài sản của bố anh để lại.

Ngày 03/02/2017, bà nội anh - cụ Trần Thị L3 chết, cũng không để lại di chúc. Do di sản của bố anh chưa chia nên kỷ phần mà bà nội anh được hưởng

thừa kế từ bố anh sẽ thuộc về những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà nội anh gồm: ông nội anh (cụ T2- chồng cụ L3), các con của bà nội anh (H2, V, L, L1, L2, L4, H1, T4).

Chú anh là ông Đào Trọng L4, sinh năm 1974, chết năm 2005, khi chết không để lại di chúc. Do chú L4 là con của cụ L3, cụ T2, chết trước bà nội anh (cụ L3) nên các con của chú L4 gồm em T8, em M sẽ là người thừa kế thế vị đối với kỉ phần được nhận của bố anh từ di sản của bà nội anh để lại, trong đó có kỷ phần bà nội anh được nhận thừa kế từ bố anh.

Bố anh, Đào Trọng H5, sinh năm 1972, chết năm 2007, khi chết không để lại di chúc. Do bố anh là con của cụ L3, cụ T2, chết trước bà nội anh (cụ L3) nên các con của bố anh, gồm anh (T), em P, Q sẽ là người thừa kế thế vị đối với kỉ phần được nhận của bố anh từ di sản của bà nội anh để lại, trong đó có kỷ phần bà nội anh được nhận thừa kế từ bố anh.

Vì anh là con trưởng của bố anh, nên anh mong muốn được nhận thừa kế của bố anh bằng hiện vật là nhà đất của bố anh. Khi anh trao đổi vấn đề phân chia thừa kế thì những người được hưởng thừa kế của bố anh (cô H3, P, Q) và những người thừa kế của bà nội anh (cụ L3) gồm chồng, các con, cháu của cụ L3 cũng đã thống nhất tặng cho lại kỷ phần mà họ được hưởng thừa kế từ phần tài sản thuộc quyền quản lý, sở hữu của bố anh (ông H5) để lại là quyền sử dụng thửa đất số 348 (3), tờ bản đồ số 14 nêu trên cho anh Đào Trọng T được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt.

Tuy nhiên, khi làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) thửa đất nêu trên cho anh thì có ông H1 (anh trai bố anh) là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà nội anh (cụ L3) không chịu ký vào hồ sơ thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của bố anh để lại. Vậy nên anh và những người còn lại không thể làm thủ tục sang tên thửa đất trên cho anh được.

Vì thửa đất này do ông bà nội của anh (cụ T2, cụ L3) tặng cho bố anh. Nay bố anh (ông H5) đã chết. Anh là con trưởng trong gia đình, hiện đang trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản, cũng là người được hưởng thừa kế một phần tài sản của bố anh (ông H5) để lại. Nên sau khi thực hiện phân chia thừa kế tài sản của bố anh để lại là nhà đất nêu trên thì anh xin được nhận bằng hiện vật là nhà đất. Anh xin được thanh toán bằng tiền cho những người có đề nghị được nhận thừa kế đối với phần tài sản thuộc sở hữu, sử dụng của bố anh (ông H5), trong đó có những người được nhận thừa kế từ kỉ phần của bà nội anh (cụ L3) được nhận từ bố anh, nếu như họ không đồng ý tặng cho phần thừa kế mà mình được nhận cho anh.

Vì vậy, để có cơ sở thực hiện thủ tục sang tên nhà đất mang tên mình, anh đề nghị Tòa án giải quyết những nội dung sau:

1. Đề nghị Toà án xác định Quyền sử dụng đất, tại Thửa đất số 348(3), tờ bản đồ 14, diện tích 271m^2, mục đích sử dụng: đất ở; tại địa chỉ: thôn A, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, cùng tài sản trên đất là ngôi nhà 3 gian cấp 4, sân, vườn là di sản của bố anh - ông Đào Trọng H5 chết để lại chưa chia.

2. Đề nghị Tòa án xác định hàng thừa kế thứ nhất của bố anh - ông Đào Trọng H5, gồm những người có tên sau:

- Trần Thị L3, sinh năm 1936, chết ngày 03/02/2017.
- Đào Văn T2, sinh năm 1931.
- Đào Trọng T, sinh năm 1995.
- Hoàng Thị H3, sinh năm 1973.
- Đào Trọng Q, sinh năm 2002.
- Đào Trọng P, sinh năm 2002

3. Đề nghị Tòa án chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với di sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên cho các đồng thừa kế, trong đó có anh. Anh xin nhận thừa kế bằng hiện vật (quyền sử dụng nhà, đất). Giá trị quyền sử dụng thửa đất số 348(3), tờ bản đồ 14, diện tích 271m^2, hiện nay có giá trị khoảng 173.000.000 đồng. Giá trị căn nhà 3 gian cấp 4, xây dựng năm 1993-1994 có giá trị khoảng 20.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản tạm tính là: 193.000.000 đồng. *(Một trăm chín mươi ba triệu đồng).*

(Theo Bảng giá đất giai đoạn 2022-2024 tỉnh Bắc Giang tại Quyết định số 71/2021/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2021).

Do ngày 06/01/2024, anh sang Nhật Bản sinh sống và làm việc nên anh đã làm hợp đồng ủy quyền với Văn phòng luật sư Vũ Anh H – Đoàn luật sư tỉnh B – đại diện theo pháp luật là bà: Ong Thị T1 – Chức vụ: Trưởng Văn phòng. Vì vậy, anh đề nghị được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, lấy lời khai, phiên thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp với ông Đào Văn H1 kể từ khi Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thụ lý vụ án đến khi kết thúc vụ án. Mọi ý kiến, văn bản trình bày quan điểm của Văn phòng luật sư Vũ Anh H tại Tòa án cũng là ý kiến của anh.

** Đại diện theo ủy quyền của anh Đào Trọng T là Văn phòng luật sư Vũ Anh H – Đại diện theo pháp luật của Văn phòng: Luật sư Ong Thị T1 – Trưởng Văn phòng:* nhất trí với trình bày và yêu cầu khởi kiện của anh Đào Trọng T. Văn phòng luật sư Vũ Anh H đồng ý nhận ủy quyền của anh T theo nội dung Hợp đồng ủy quyền đã ký.

Bị đơn là ông Đào Văn H1 tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/8/2024 trình bày:

Ông đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án, tuy nhiên ông không lên Tòa án làm việc, ông đã được giải thích trợ giúp pháp lý và đề nghị Tòa án tiến hành lấy lời khai của ông.

Ông là bác ruột của anh Đào Trọng T - nguyên đơn trong vụ án, bố đẻ của anh T (ông H5) là em ruột của ông.

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh Đào Trọng T vì cụ T2 là bố đẻ của ông đã cho ông H5 (bố của anh T) 01 diện tích đất. Sau đó ông H5 đã bán đi và lại đòi cụ T2 cho diện tích đất đang tranh chấp. Đất tranh chấp là đất của cha ông để lại, do đó không được tiến hành mua bán. Ông không đồng ý với yêu cầu của anh T xác định bà Hoàng Thị H3, anh Đào Trọng Q, anh Đào Trọng P thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đào Trọng H5. Ông xác định ông phải được chia thừa kế đối với thửa đất số 348(3), tờ bản đồ số 14, diện tích 271m^2, địa chỉ: thôn A, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Ông đợi đến khi nào anh T về nước và sinh sống ổn định thì sẽ cùng anh T lên UBND xã để làm thủ tục sang tên chuyển nhượng cho anh T.

Ông từ chối tham gia tố tụng, không lên làm việc, hòa giải, tham dự phiên tòa tại Tòa án. Ông đề nghị Tòa án không làm việc với ông. Việc xét xử như thế nào là quyền của Tòa án. Ông không cung cấp các tài liệu gì, không đề nghị gì.

Sau khi Tòa án tiến hành lấy lời khai của ông H1 tại nhà ông H1 ở thôn A, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, ông H1 đã được đọc lại toàn bộ nội dung Biên bản lấy lời khai, tuy nhiên ông H1 từ chối ký vào Biên bản trước sự chứng kiến của ông Vi Văn T6 – Công an viên xã A, huyện Y.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông H1 không đến Tòa án làm việc, không tham dự các buổi hòa giải, định giá thẩm định và phiên tòa xét xử.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại bản tự khai, Biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

1. Cụ Đào Văn T2 trình bày:

Cụ là ông nội của anh Đào Trọng T, nguyên đơn trong vụ án. Bố của anh T là con trai của cụ và cụ Trần Thị L3 tên là Đào Trọng H5, sinh năm 1972. Năm 1994, anh H5 và chị Dương Thị H4 (mẹ cháu T) kết hôn.

Cụ nhất trí với trình bày của anh T về nguồn gốc di sản, quá trình quản lý, sử dụng, hiện trạng di sản, quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, hàng thừa kế của ông H5, cụ L3.

Cụ được biết hiện nay anh T mong muốn được nhận thừa kế là nhà, đất mà bố mình (ông H5) để lại. Anh T có nói lại với cụ và các bác, cô, chú và các em trong gia đình với lý do cháu là con trưởng trong gia đình và di nguyện mà bố cháu (ông H5) muốn cháu T là người quản lý. Mọi người trong gia đình đều tán

thành đồng ý thống nhất tặng lại kỷ phần mà mọi người được hưởng thừa kế từ phần tài sản thuộc quyền quản lý, sở hữu của bố cháu (H5) để lại là quyền sử dụng thửa đất số 348(3), tờ bản đồ số 14 nêu trên cho anh T được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt.

Tuy nhiên, khi làm thủ tục sang tên GCNQSDĐ thửa đất nêu trên cho anh T thì có ông H1 (con trai cả của cụ) là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của vợ cụ là cụ L3 không chịu ký vào hồ sơ thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của H5 để lại cho anh T. Vậy nên mọi người trong gia đình không thể làm thủ tục thỏa thuận phân chia thừa kế thửa đất trên cho anh T được.

Nay anh T đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế tài sản theo pháp luật đối với di sản của ông H5 để lại bao gồm Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác trên Thửa đất số 348(3), tờ bản đồ 14, diện tích 271m^2, mục đích sử dụng: đất ở; tại địa chỉ: thôn A, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Cụ hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh T.

Cụ cũng là người được hưởng thừa kế một phần từ tài sản nêu trên của ông H5. Do đó, khi được Tòa án phân chia thừa kế bằng hiện vật, cụ tự nguyện giao toàn bộ phần tài sản cụ được nhận này cho anh Đào Trọng T được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt.

Cụ đề nghị được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, lấy lời khai, buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tất cả các phiên tòa xét xử kể từ khi thụ lý đến khi kết thúc vụ án.

Cụ đề nghị Tòa án giao các văn bản tố tụng có liên quan cho luật sư Ngô Thị T3 và luật sư Ong Thị T1.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cụ T2 là Bà Ngô Thị T3 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B*: nhất trí với trình bày của cụ T2.

2. Bà Đào Thị H2, bà Đào Thị V, bà Đào Thị L, bà Đào Thị L1, bà Đào Thị L2, ông Đào Văn T4 đều thống nhất trình bày:

Các ông bà đều nhất trí với trình bày của anh T về nguồn gốc di sản, quá trình quản lý, sử dụng, hiện trạng di sản, quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, hàng thừa kế của ông H5, cụ L3.

Nguồn gốc của diện tích đất tranh chấp là do cụ Đào Văn T2 và cụ Trần Thị L3 đã cho cho ông Đào Trọng H5 và vợ của ông H5 lúc đó là Dương Thị H4 vào khoảng năm 1994. Khi cho thì bố mẹ chỉ nói miệng, không lập văn bản, và toàn bộ anh em trong nhà đều nhất trí, không có ý kiến gì. Đến năm 2000, hộ ông Đào Trọng H5 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Hiện nay, trên diện tích đất tranh chấp có 01 nhà 3 gian diện tích khoảng 50m^2 đến 60m^2, xây khoảng năm 1998. Ngoài ra còn có một số cây ăn quả như cây chuối, cây sấu, cây vải do nhà cụ T2 và nhà ông H5 trồng. Các ông bà không có công sức tôn tạo tài sản gì trên diện tích đất tranh chấp.

Khi mẹ bà là cụ Trần Thị L3 chết thì bố bà và tất cả con cháu cùng lo ma chay, giỗ chạp, cụ L3 cũng không để lại nghĩa vụ gì về tài sản, bà không đề nghị giải quyết.

Nay anh T làm đơn khởi kiện thì các ông bà hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh T.

Các ông bà cũng là người được hưởng thừa kế một phần từ tài sản nêu trên của ông H5 từ kỉ phần mà cụ L3 được hưởng. Do đó, khi được Tòa án phân chia thừa kế bằng hiện vật đều tự nguyện giao toàn bộ phần tài sản mà các ông bà được nhận cho anh Đào Trọng T được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt.

3. Anh Đào Trọng T8, anh Đào Trọng M thống nhất trình bày:

Các anh là em họ của anh Đào Trọng T - Nguyên đơn trong vụ án. Bố các anh là Đào Trọng L4, là em trai của ông Đào Trọng H5 (bố của anh T). Ông L4 và ông H5 đều là con của cụ Đào Văn T2 và cụ Trần Thị L3.

Anh nhất trí với trình bày của anh T về nguồn gốc di sản, quá trình quản lý, sử dụng, hiện trạng di sản, quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, hàng thừa kế của ông H5, cụ L3.

Nay anh T đã làm đơn khởi kiện thì các anh hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh T.

Các anh cũng là người được hưởng thừa kế một phần từ tài sản nêu trên của ông H5 do các anh là người thừa kế thế vị của ông Đào Trọng L4, đối với kỉ phần mà bà nội anh (cụ L3) được nhận từ di sản của ông H5. Do đó, khi được Tòa án phân chia thừa kế bằng hiện vật, các anh đều tự nguyện giao toàn bộ phần tài sản mà các anh được nhận cho anh Đào Trọng T được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt.

4. Bà Hoàng Thị H3 trình bày:

Bà là vợ của ông Đào Trọng H5. Ông bà có hai con chung, sinh đôi ngày 08/08/2022 là Đào Trọng Q và Đào Trọng P. Trước khi kết hôn với bà, ông H5 và bà Dương Thị H4, sinh năm 1975, là vợ chồng. Ông H5 bà H4 có con chung là anh Đào Trọng T, sinh ngày 20/9/1995.

Bà nhất trí với trình bày của anh T về nguồn gốc di sản, quá trình quản lý, sử dụng, hiện trạng di sản, quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, hàng thừa kế của ông H5, cụ L3.

Nay anh T đã làm đơn khởi kiện thì bà hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh T.

Bà cũng là người được hưởng thừa kế một phần từ tài sản nêu trên của chồng bà (ông H5). Do đó, khi được Tòa án phân chia thừa kế bằng hiện vật, bà tự nguyện giao toàn bộ phần tài sản bà được nhận này cho anh Đào Trọng T được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt.

Bà đề nghị được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, lấy lời khai, buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tất cả các phiên tòa xét xử kể từ khi thụ lý đến khi kết thúc vụ án.

Bà đề nghị Tòa án giao các văn bản tố tụng có liên quan cho anh T hoặc người đại diện theo ủy quyền của anh T.

5. Anh Đào Trọng Q, anh Đào Trọng P thống nhất trình bày:

Các anh là em trai cùng cha, khác mẹ với anh Đào Trong T. Bố anh là Đào Trọng H5 và mẹ là Hoàng Thị H3. Trước khi bố mẹ kết hôn thì bố anh và bà Dương Thị H4, sinh năm 1975, là vợ chồng. Bố anh và bà H4 có con chung là anh Đào Trọng T.

Các anh đều nhất trí với trình bày của anh T về nguồn gốc di sản, quá trình quản lý, sử dụng, hiện trạng di sản, quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, hàng thừa kế của ông H5, cụ L3.

Nay anh T làm đơn khởi kiện chia thừa kế thì các anh hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh T.

Các anh cũng là người được hưởng thừa kế một phần từ tài sản nêu trên của bố anh (ông H5). Do đó, khi được Tòa án phân chia thừa kế bằng hiện vật, các anh đều tự nguyện giao toàn bộ phần tài sản anh được nhận cho anh Đào Trọng T được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt.

6. Bà Dương Thị H4 trình bày:

Bà là mẹ của anh Đào Trọng T, nguyên đơn trong vụ án. Bà nhất trí với trình bày của anh T về nguồn gốc di sản, quá trình quản lý, sử dụng, hiện trạng di sản, quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, hàng thừa kế của ông H5, cụ L3.

Bà xác định tại phiên tòa xét xử tranh chấp hôn nhân và gia đình ngày 28/12/2001 do TAND huyện Yên Thế, bà đã tự nguyện, thống nhất giao cho ông H5 được toàn quyền sử dụng, sở hữu tài sản chung là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên thửa đất số 348 (3), tờ bản đồ số 14, diện tích 271m^2 địa chỉ thôn A, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Do vậy, đến nay, bà không còn bất cứ quyền và nghĩa vụ nào liên quan đến tài sản của ông H5 chết để lại.

Nay anh T đã làm đơn khởi kiện thì bà hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh T.

Bà đề nghị được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, lấy lời khai, buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tất cả các phiên tòa xét xử kể từ khi thụ lý đến khi kết thúc vụ án.

Bà đề nghị Tòa án giao các văn bản tố tụng có liên quan cho anh T hoặc người đại diện theo ủy quyền của anh T.

7. Đại diện theo ủy quyền của UBND xã A, huyện Y trình bày:

- Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp:

Thửa 348(3) tờ bản đồ số 14 diện tích 271 m^2 Địa chỉ thửa đất: Thôn A, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 808749 vào sổ cấp GCN số 02289 cấp ngày 26/12/2000, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên "Hộ ông: Đào Trọng H5" theo Quyết định số 500/QĐ-UB nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Nguyên nhân phát sinh tranh chấp:

Do thửa đất nêu trên được cấp cho "Hộ ông: Đào Trọng H5" hiện ông Đào Trọng H5 đã chết năm 2007 không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Đào Trọng H5 gồm những người có tên sau:

1. Bà: Trần Thị L3, sinh năm 1936 (Đã chết ngày 03/02/2017)
2. Ông: Đào Văn T2, sinh năm 1931
3. Bà: Hoàng Thị H3, sinh năm 1973
4. Ông: Đào Trọng T, sinh năm 1995
5. Ông: Đào Trọng Q, sinh năm 2002
6. Ông: Đào Trọng P, sinh năm 2002

Vì bà Trần Thị L3 là mẹ đẻ của ông Đào Trọng H5 chết ngày 03/02/2017 chết sau thời điểm ông Đào Trọng H5 *(đã chết năm 2007)* nên phần di sản bà Trần Thị L3 được hưởng thừa kế do ông Đào Trọng H5 để lại được phân chia tiếp cho các hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị L3. Trong các hàng thừa kế của bà Trần Thị L3 có ông Đào Văn H1 là con đẻ của bà Trần Thị L3 hiện chưa thống nhất phân chia thừa kế phần di sản thừa kế mà bà Trần Thị L3 được hưởng do ông Đào Văn H6 để lại.

UBND xã A đề nghị Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ các bên xuất trình và do Tòa án thu thập để xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

8. Đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Y trình bày:

- Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp:

Thửa đất số 348(3) tờ bản đồ số 14 diện tích 271 m^2 Địa chỉ thửa đất: Thôn A, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 808749 vào sổ cấp GCN số 02289 cấp ngày 26/12/2000, Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất đứng tên "Hộ ông: Đào Trọng H5" theo Quyết định số 500/QĐ-UB nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Đào Trọng H5 thì trình tự, thủ tục đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ các bên xuất trình và do Tòa án thu thập để xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**** Ngày 09/7/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang tiến hành xem xét, thẩm định và định giá lại tài sản tranh chấp***. Kết quả cụ thể như sau:

Cán bộ đo đạc thuộc Công ty cổ phần H7, cán bộ địa chính xã, cụ Đào Văn T2, bà Đào Thị V, bà Đào Thị L2, bà Đào Thị L1, bà Hoàng Thị H3, luật sư Ong Thị T1, luật sư Ngô Thị T3 tiến hành xác định ranh giới, mốc giới thửa đất số 348(3), tờ bản đồ số 14, diện tích 271 m^2, địa chỉ thửa đất: Thôn A, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

I. Về đất:

Đất có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía Tây giáp đường trục xã.
- Phía Bắc, phía Đông, phía Nam giáp nhà liền kề của cụ T2.

Hiện tại ranh giới thửa đất giữa hộ ông Đào Trọng H5 và các hộ xung quanh không có tranh chấp gì.

Căn cứ Quyết định số 72 ngày 21/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc ban hành Quy định bảng giá đất giai đoạn 2022-2024 địa bàn tỉnh Bắc Giang thì diện tích đất tranh chấp thuộc đường huyện lộ trung tâm thị xã A đi về các phía có khoảng cách 500m có giá 2.500.000 đồng/m^2, hệ số K=1,1 theo Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 về việc thông qua hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2024.

Sau khi tham khảo ý kiến của đại diện chính quyền địa phương, Hội đồng định giá xác định giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế tại thời điểm định giá là 5.000.000đồng/m^2.

II. Về tài sản trên đất:

- 01 căn nhà cấp 4 loại 1 xây dựng năm 1996, diện tích 32,76m2. Hiện nhà đã hết khấu hao, giá trị còn lại = 0 đồng;
- Tường rào bằng cay vôi xây dựng năm 1999, diện tích 36m2. Hiện tường rào đã hết khấu hao, giá trị còn lại = 0 đồng;
- 01 cây sấu đường kính 29-32 cm có giá 3.143.000 đồng;
- 01 cây bưởi đường kính 10cm, có giá 2.027.000 đồng;
- 01 cây vải đường kính tán từ 5,5cm đến 6,5 cm, có giá 3.237.000 đồng.

Tại phiên tòa:

* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Luật sư Trợ giúp viên pháp lý của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Bị đơn vắng mặt không có lý do. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện theo ủy quyền của anh Đào Trọng T trình bày: Anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia thừa kế đối với tài sản của ông Đào Trọng H5 để lại là Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác trên Thửa đất số 348(3), tờ bản đồ 14, diện tích 271m^2, mục đích sử dụng: đất ở; tại địa chỉ: thôn A, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và đề nghị được nhận bằng hiện vật là QSD Đất.

Ý kiến của cụ Đào Văn T2, bà H3, bà L, bà V, bà L2, bà H2, ông T4, anh Q, anh P, anh T8, anh M đề nghị được nhận thừa kế một phần từ tài sản nêu trên theo quy định của pháp luật bằng hiện vật, và tự nguyện giao toàn bộ phần tài sản được nhận này cho anh Đào Trọng T được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt.

Anh T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

* Luật sư trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cụ T2 trình bày: Cụ T2 nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh T, cụ đề nghị được nhận thừa kế một phần từ tài sản nêu trên theo quy định của pháp luật bằng hiện vật, và tự nguyện giao toàn bộ phần tài sản được nhận này cho anh T được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:*

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng

1.1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án:

Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng theo quy định Bộ L5. Thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; khi thụ lý tòa án xác định quan hệ tranh chấp phù hợp và đảm bảo đúng quy định tại khoản 5 Điều 26 BLTTDS; xác định đúng, đủ người tham gia tố tụng; thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án; đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải; ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tiến hành các thủ tục tố tụng khác đảm bảo theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

1.2. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Nguyên đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện theo ủy quyền: Đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72, 73, 85, 86 BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 71 BLTTDS.

2. Đề xuất quan điểm giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 5 Điều 26, 35, 39, 147, 165, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ vào các Điều 609, 611, 612, 613, 618, 623, 649, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đào Trọng T về việc chia thừa kế tài sản:

1.1. Xác định di sản thừa kế của ông Đào Trọng H5 là thửa đất số 348(3), tờ bản đồ số 14, diện tích 271m^2, mục đích sử dụng đất ở đã được UBND huyện Y cấp GCNQSDĐ số Q808749, số vào sổ cấp GCNQSD Đất 02289 QSDD/500/QĐUB 15.12.2000 ngày 26/12/2000 cho hộ ông Đào Trọng H5, địa chỉ thửa đất tại thôn A, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

1.2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Đào Trọng H5 gồm: cụ Đào Văn T2, cụ Trần Thị L3 (chết ngày 03/02/2017), bà Hoàng Thị H3, anh Đào Trọng T, anh Đào Trọng P, anh Đào Trọng Q.

1.3. Chia di sản của ông Đào Trọng H5 theo pháp luật.

Giao cho anh Đào Trọng T được quản lý, sử dụng thửa đất số 348(3), tờ bản đồ số 14, diện tích 271m^2, mục đích sử dụng đất ở đã được UBND huyện Y cấp GCNQSDĐ số Q808749, số vào sổ cấp GCNQSD Đất 02289 QSDD/500/QĐUB 15.12.2000 ngày 26/12/2000 cho hộ ông Đào Trọng H5, địa chỉ thửa đất tại thôn A, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và toàn bộ tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4 loại 1 xây dựng năm 1996, diện tích 32,76m2. Tường rào bằng cay vôi xây dựng năm 1999, diện tích 36m2; 01 cây sấu; 01 cây bưởi; 01 cây vải (*có sơ đồ thửa đất kèm theo).*

Buộc anh Đào Trọng T phải trích chia di sản thừa kế trị giá bằng tiền cho ông Đào Văn H1 là 22.723.950 đồng.

2. Về chi phí tố tụng: Anh Đào Trọng Thịnh phải chịu 10.500.000 đồng chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản. Xác nhận anh T đã nộp đủ chi phí tố tụng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho cụ Đào Văn T2, bà Đào Thị V, bà Đào Thị L, bà Đào Thị H2.

Anh Đào Trọng T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 51.128.916,64 đồng. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã đã nộp (do luật sư Ngô Thị T3 nộp thay) là 4.800.000 đồng tại biên lai thu số 0000972 ngày 02/01/2024. Anh T còn phải nộp là 46.329.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đào Văn H1 phải án phí dân sự sơ thẩm là 1.136.198 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng từ chối tham gia tố tụng, vắng mặt không có lý do tại phiên tòa mở lần thứ hai,. Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt họ là đảm bảo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn anh Đào Trọng T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản của bố đẻ là ông Đào Trọng H5. Do vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là *"Tranh chấp về thừa kế tài sản"* theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong vụ án có nguyên đơn và một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thụ lý, giải quyết vụ án là đảm bảo quy định tại Điều 37, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế và thời hiệu khởi kiện:

[3.1] Về thời điểm mở thừa kế và thời hiệu khởi kiện:

Căn cứ vào giấy chứng tử do các đương sự cung cấp, có căn cứ xác định ông Đào Trọng H5 chết ngày 23/9/2007.

Theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật Dân sự 2015 (Bộ luật đang có hiệu lực tại thời điển xét xử sơ thẩm) thì *"thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế."*.

Căn cứ Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; mục 1, 2 phần III tại Công văn giải đáp một số vấn đề về nghiệp vụ số 01/GĐ-TANDTC ngày 25/7/2016; mục 1,2 phần III tại Công văn giải đáp một số vấn đề về nghiệp vụ số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 của Toà án nhân dân tối cao thì thời điểm bắt đầu tính thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế của ông H5 là 30 năm kể từ ngày 23/9/2007.

Ngày 19/12/2023, nguyên đơn anh Đào Trọng T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Đào Trọng H5 là đảm bảo thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế.

[3.2] *Về hàng thừa kế và yêu cầu xác định hàng thừa kế:*

- Các đương sự đều có lời khai xác định năm 2007 ông H5 chết không để lại di chúc; bố mẹ đẻ của ông H5 là cụ T2 và cụ L3 lúc đó vẫn còn sống; ông H5 có vợ là bà Hoàng Thị H3 (ông H5 bà H3 đăng ký kết hôn ngày 31/12/2001 tại

UBND xã A, huyện Y), có con riêng là anh Đào Trọng T với người vợ đầu (bà Dương Thị H4); có 02 người con chung với bà Hoàng Thị H3 là anh Đào Trọng Q và anh Đào Trọng P. Ngoài những người con kể trên, ông H5 bà H3 không có người con riêng, con chung, con ngoài giá thú nào khác.

Căn cứ Điều 635, Điều 674, Điều 675, Điều 676 của Bộ luật Dân sự 2005: Di sản của ông H5 thuộc trường hợp chia thừa kế theo pháp luật (nếu có). Hàng thừa kế thứ nhất của ông H5 gồm 6 người là cụ Đào Văn T2, cụ Trần Thị L3, bà Hoàng Thị H3, anh Đào Trọng T, anh Đào Trọng P, anh Đào Trọng Q. Do đó, di sản của ông H5 (nếu có) cần được chia thành 6 kỷ phần bằng nhau cho cụ T2, cụ L3, bà H3, anh T, anh P, anh Q.

- Ngày 03/02/2017, cụ L3 chết. Căn cứ Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ L3 gồm: Cụ Đào Văn T2, bà Đào Thị H2, ông Đào Văn H1, bà Đào Thị V, bà Đào Thị L, bà Đào Thị L1, bà Đào Thị L2, ông Đào Văn T4, các con của ông Đào Trọng L4 là anh Đào Trọng T8 và anh Đào Trọng Minh (do ông L4 – con của cụ T2 cụ L3 chết năm 2005), các con của ông Đào Trọng H5 là anh Đào Trọng T, anh Đào Trọng P, anh Đào Trọng Q (do ông H5 – con của cụ T2 cụ L3 chết năm 2007).

Như vậy, yêu cầu xác định hàng thừa kế của ông Đào Trọng H5 gồm có 6 người là cụ Đào Văn T2, cụ Trần Thị L3, bà Hoàng Thị H3, anh Đào Trọng T, anh Đào Trọng P, anh Đào Trọng Q của nguyên đơn anh Đào Trọng T là có căn cứ và cần được chấp nhận.

[4] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất:

[4.1] Theo GCNQSD đất số Q 808749 do UBND huyện Y cấp ngày 26/12/2000 cho Hộ ông Đào Trọng H5 thì thửa đất này là thửa đất số 348(3), tờ bản đồ số 14, diện tích 271m^2, mục đích sử dụng đất ở. Theo kết quả đo đạc thẩm định ngày 09/7/2024 thì diện tích thửa đất là 271m^2. Các đương sự, đại diện UBND xã A đều xác định không có tranh chấp gì về ranh giới với các hộ liền kề. Do vậy, Hội đồng xét xử cần lấy diện tích đo thực tế (271m^2) để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[4.2] Căn cứ lời khai của các đương sự, cung cấp của UBND huyện Y và UBND xã A đều xác định nguồn gốc thửa đất là do cụ T2 cụ L3 cho ông H5 và vợ ông H5 lúc đó là bà Dương Thị H4 01 thửa đất liền kề nhà hai cụ tại thôn A, xã A để làm nhà ra ở riêng. Giữa năm 2001, ông H5 bà H4 được Tòa án nhân dân huyện Yên Thế giải quyết ly hôn; phần tài sản chung do ông H5 bà H4 tự thỏa thuận, trong đó bà H4 giao cho ông H5 được sở hữu và sử dụng tài sản chung là nhà đất nêu trên. Sau khi ông H5 bà H4 ly hôn, anh T cùng ông H5 tiếp tục sinh sống tại nhà đất này.

Cuối năm 2001, ông H5 kết hôn với bà Dương Thị H4. Sau đó cả gia đình ông H5 chuyển sang nhà đất khác ở thôn A, xã A sinh sống. Nhà đất này của ông H5 để không từ đó đến nay.

[5] Về yêu cầu chia di sản thừa kế của anh Đào Trọng T:

[5.1] Về xác định di sản của ông H5:

Từ những phân tích trên, xác định di sản do ông H5 để lại là quyền sử dụng đất và tài sản trên thửa đất có tổng diện tích ghi nhận trên GCNQSDĐ là 271m^2 , diện tích đo đạc sử dụng thực tế là 271m^2, mục đích sử dụng: Đất ở, thuộc thôn A, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Kể từ khi ông H5 chết thì những người thừa kế của ông H5 chưa có bất cứ thoả thuận phân chia di sản của ông H5 để lại. Như vậy di sản của ông H5 để lại chưa chia và thời hiệu yêu cầu chia di sản đối với phần di sản của ông H5 để lại vẫn còn hiệu lực. Do đó, yêu cầu khởi kiện của anh Đào Trọng T về việc phân chia di sản thừa kế của ông Đào Trọng H5 là có căn cứ và cần được chấp nhận.

Đối với chi phí mai táng, tiền phúng viếng, nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại, các đương sự không yêu cầu gì và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5.2] Phân chia di sản của ông H5:

Căn cứ biên bản định giá tài sản ngày 09/7/2024, Hội đồng định giá xác định giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế tại thời điểm định giá là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) /m^2.

Như vậy thửa đất có giá trị được định giá là: 271m^2 x 5.000.000 đồng = 1.355.000.000 đồng (Một tỉ ba trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Tổng giá trị tài sản trên đất là: 8.407.000 đồng (Tám triệu bốn trăm linh bảy nghìn đồng)

Tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là: 1.363.437.000 đồng (Một tỉ ba trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Hàng thừa kế thứ nhất của ông H5 gồm có 06 người là cụ Đào Văn T2, cụ Trần Thị L3, bà Hoàng Thị H3, anh Đào Trọng T, anh Đào Trọng P, anh Đào Trọng Q. Do vậy, mỗi kỷ phần thừa kế đối với di sản của ông Đào Trọng H5 sẽ được nhận là 45,17 m^2 đất và 1.406.167 đồng. Tổng thành tiền là: 1.363.437.000 đồng : 6 = 227.239.500 đồng.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ L3 gồm Cụ Đào Văn T2, bà Đào Thị H2, ông Đào Văn H1, bà Đào Thị V, bà Đào Thị L, bà Đào Thị L1, bà Đào Thị L2, ông Đào Văn T4, ông Đào Trọng L4 (do ông L4 đã chết nên anh Đào Trọng T8 và anh Đào Trọng M là con của ông L4 được thừa kế thế vị), ông Đào Trọng H5 (do ông H5 đã chết nên các con của ông Đào Trọng H5 là anh Đào Trọng T, anh Đào Trọng P, anh Đào

Trọng Q được thùa kế thế vị) tương đương với 10 kỷ phần thừa kế. Do đó, mỗi kỷ phần thừa kế được nhận từ cụ L3 đối với di sản của ông H5 là 4,52m^2 đất và giá trị tài sản trên đất là 140.617 đồng. Tổng thành tiền là: 227.239.500 đồng : 10 = 22.723.950 đồng.

Theo đó, những người trên được hưởng thừa kế như sau:

* Cụ Đào Văn T2 được hưởng thừa kế từ con trai (ông H5) là 45,17 m2 đất và 1.406.167 đồng, thành tiền là: 225.833.000 đồng + 1.406.167 đồng = 227.239.500 đồng và hưởng thừa kế từ kỉ phần của vợ (cụ L3) nhận thừa kế của ông H5 4,52m^2 đất và giá trị tài sản trên đất là 140.617 đồng, thành tiền là 22.583.333 đồng + 140. 617 đồng = 22.723.950 đồng.

Tổng được nhận là: 49,6m2, thành tiền (5tr đồng/m2) là 248.416.000 đồng và giá trị tài sản trên đất là: 1.547.000 đồng. Tổng thành tiền được nhận là: 249.964.000 đồng.

* Anh Đào Trọng T, anh Đào Trọng Q, anh Đào Trọng P mỗi người được hưởng thừa kế từ bố (ông H5) là 45,17 m2 đất và 1.406.167 đồng, thành tiền là: 225.833.000 đồng + 1.406.167 đồng = 227.239.500 đồng và hưởng thừa kế thế vị từ (cụ L3) nhận thừa kế của ông H5 1,5 m2 đất và giá trị tài sản trên đất là 47.000 đồng. T7 tiền là 7.528.000 đồng + 47.000 đồng = 7.575.000 đồng.

Anh T, anh Q , anh P mỗi người được nhận tổng giá trị thừa kế bằng tiền là: 234.815.000 đồng.

* Bà Hoàng Thị H3 (vợ ông H5): được hưởng thừa kế từ chồng (ông H5) là 45,17 m2 đất và 1.406.167 đồng, thành tiền là: 225.833.000 đồng + 1.406.167 đồng = 227.239.500 đồng.

* Anh Đào Trọng M, anh Đào Trọng T8 mỗi người được hưởng thừa kế thế vị từ cụ L3 nhận thừa kế của ông H5 là: 2,26m2, tài sản trên đất là 70.000 đồng. Tổng giá trị thành tiền được nhận là: 11.292.000 đồng + 70.000 đồng = 11.362.000 đồng.

* Bà Đào Thị L, bà Đào Thị L1, bà Đào Thị L2, bà Đào Thị V, bà Đào Thị H2, ông Đào Văn T4, ông Đào Văn H1 mỗi người được hưởng thừa kế từ cụ L3 đối với kỉ phần được nhận từ di sản của ông H5 là: 4,52m^2 đất và giá trị tài sản trên đất là 140.617 đồng, thành tiền là 22.583.333 đồng + 140. 617 đồng = 22.723.950 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều có yêu cầu được nhận thừa kế bằng hiện vật. Đây là yêu cầu chính đáng của các đương sự, cần được xem xét, giải quyết theo Điều 660 của Bộ luật Dân sự.

Cụ thể: nguyên đơn là anh Đào Trọng T yêu cầu nhận thừa kế bằng hiện vật. Cụ T2, bà H2, Bà Đào Thị H2; Đào Thị V; Đào Thị L; Đào Thị L1; Đào Thị L2; Đào Văn T4; các con của ông Đào Trọng L4 là anh Đào Trọng T8, Đào Trọng M, các con của

ông Đào Trọng H5 là anh Đào Trọng Q, Đào Trọng P; vợ ông H5 là bà Hoàng Thị H3 cũng đều yêu cầu nhận thừa kế bằng hiện vật, nhưng tự nguyện giao cho lại toàn bộ phần tài sản được nhận này cho anh Đào Trọng T quản lý, sử dụng và toàn quyền định đoạt.

Đối với phần thừa kế ông Đào Văn H1 được nhận là 4,52m2 đất. Với diện tích như trên, theo quy định của pháp luật về đất đai thì không đủ điều kiện để phân chia thừa kế cho ông Đào Văn H1 là hiện vật. Do vậy, ông H1 chỉ được chia thừa kế bằng tiền với giá trị là: 22.723.950 đồng.

Anh Đào Trọng T được quyền quản lý, sử dụng đối với toàn bộ diện tích thửa đất 271m2 và tài sản trên đất là: 01 nhà cấp 4; 01 cây sấu trị giá 3.173.000 đồng; 01 cây bưởi trị giá 2.027.000 đồng; 01 cây vải trị giá 3.237.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trên đất là: 8.437.000 đồng.

Đồng thời anh T phải thanh toán bằng tiền cho ông Đào Văn H1 tương đương với suất thừa kế được nhận từ kỉ phần mà cụ L3 được nhận từ di sản của ông H5 là: 4,52m^2 đất và giá trị tài sản trên đất là 140.617 đồng, thành tiền là 22.583.333 đồng + 140. 617 đồng = 22.723.950 đồng.

[6] Về chi phí tố tụng:

Tổng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 10.500.000 đồng. Nguyên đơn là anh Đào Trọng T do luật sư Ong Thị Thanh N thay đã nộp số tiền trên. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh T đề nghị chịu cả chi phí thẩm định, định giá. Vì vậy, buộc anh Đào Trọng T phải chịu cả 10.500.000 đồng chi phí xem xét thẩm định, định giá. Xác nhận anh T đã nộp đủ.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ quy định Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Cụ Đào Văn T2, bà Đào Thị L, bà Đào Thị V, bà Đào Thị H2 đã trên 60 tuổi và đều có đơn đề nghị miễn án phí nên cần miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự.

Căn cứ khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Bà Hoàng Thị H3 phải chịu là: 5% x 227.239.500 đồng= 11.362.000 đồng.

- Anh Đào Trọng Thịnh, anh Đào Trọng P, anh Đào Trọng Q mỗi người phải chịu án phí là: 5% x 232.921.000 đồng= 11.741.000 đồng.

- Bà Đào Thị L1, bà Đào Thị L2, ông Đào Văn T4 mỗi người phải chịu án phí là: 5% x 22.724.000 đồng= 1.137.000 đồng.

- Anh Đào Trọng T8, anh Đào Trọng M phải chịu án phí là: 5% x 11.362.000 đồng = 569.000 đồng

Do anh T được nhận toàn bộ đất và tài sản trên đất từ bà H3, anh P, anh Q, bà L1, bà L2, ông T4, cụ T2, bà V, bà H2, bà L nên phần án phí phải nộp từ những người này sẽ do anh T chịu trách nhiệm thanh toán tổng là: 51.129.000 đồng. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã đã nộp (do luật sư Ngô Thị T3 nộp thay) là 4.800.000 đồng tại biên lai thu số 0000972 ngày 02/01/2024. Anh T còn phải nộp là 46.329.000 đồng.

Ông H1 là người cao tuổi nhưng không có đơn đề nghị miễn nộp án phí nên buộc ông H1 phải chịu 1.136.198 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 635, Điều 674, Điều 675, Điều 676 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 618, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26; Điều 37, Điều 39, Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 166; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đào Trọng T về việc chia thừa kế tài sản:

1.1. Xác định di sản thừa kế của ông Đào Trọng H5 là thửa đất số 348(3), tờ bản đồ số 14, diện tích 271m^2, mục đích sử dụng đất ở đã được UBND huyện Y cấp GCNQSDĐ số Q808749, số vào sổ cấp GCNQSD Đất 02289 QSDD/500/QĐUB 15.12.2000 ngày 26/12/2000 cho hộ ông Đào Trọng H5, địa chỉ thửa đất tại thôn A, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

1.2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Đào Trọng H5 gồm: cụ Đào Văn T2, cụ Trần Thị L3 (chết ngày 03/02/2017), bà Hoàng Thị H3, anh Đào Trọng T, anh Đào Trọng P, anh Đào Trọng Q.

1.3. Chia di sản của ông Đào Trọng H5 theo pháp luật.

Giao cho anh Đào Trọng T được quản lý, sử dụng thửa đất số 348(3), tờ bản đồ số 14, diện tích 271m^2, mục đích sử dụng đất ở đã được UBND huyện Y cấp GCNQSDĐ số Q808749, số vào sổ cấp GCNQSD Đất 02289 QSDD/500/QĐUB 15.12.2000 ngày 26/12/2000 cho hộ ông Đào Trọng H5, địa chỉ thửa đất tại thôn A, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và toàn bộ tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4 loại 1 xây dựng năm 1996, diện tích 32,76m2. Tường rào bằng cay vôi xây dựng

năm 1999, diện tích 36m2; 01 cây sấu; 01 cây bưởi; 01 cây vải (*có sơ đồ thửa đất kèm theo).*

Buộc anh Đào Trọng T phải trích chia di sản thừa kế trị giá bằng tiền cho ông Đào Văn H1 là 22.723.950 đồng.

2. Về chi phí tố tụng: Anh Đào Trọng Thịnh phải chịu 10.500.000 đồng chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản. Xác nhận anh T đã nộp đủ chi phí tố tụng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho cụ Đào Văn T2, bà Đào Thị V, bà Đào Thị L, bà Đào Thị H2.

Anh Đào Trọng T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 51.128.916,64 đồng. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã đã nộp (do luật sư Ngô Thị T3 nộp thay) là 4.800.000 đồng tại biên lai thu số 0000972 ngày 02/01/2024. Anh T còn phải nộp là 46.329.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đào Văn H1 phải án phí dân sự sơ thẩm là 1.136.198 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đang thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin TAND tối cao;
- Các đương sự;
-Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Việt Hùng